

# TRUYỀN THỌ QUY Y

Nguyên tác: Pháp Sư Tịnh Không –

Việt dịch: Thích Chân Tính

Kính thưa quý vị đồng tu.

Nhận lời mời của quý vị, hôm nay có duyên cùng quý vị bàn về tam quy y trong Phật pháp tại Bờ biển Vàng (Golden coast) Queensland - Australia. Đối với Phật pháp đây là đề tài rất quan trọng, là chỗ nhập môn tu học của chúng ta. Trước khi nói đến tam quy, đầu tiên phải có nhận thức chính xác về Phật pháp.

Phật pháp trên thế giới hiện nay có rất nhiều hình thức bất đồng, chúng ta cần phải hiểu cho rõ ràng. Điều phổ biến nhất là người ta cho rằng Phật pháp là "Tôn giáo", và chúng ta cũng không thể không thừa nhận là tôn giáo được, đây chính là Phật pháp biến chất. Thật ra Phật pháp vốn không phải là tôn giáo, nhưng hiện nay xác thực đã biến thành tôn giáo. Có nơi biến thành học thuật, đặc biệt có một số trường học, đoàn thể học thuật tại Nhật Bản biến Phật pháp thành triết học, đó cũng là Phật pháp biến chất.

Năm 1923 Đại sư Âu Dương Cảnh Vô tại Đại học Trung Sơn đệ tứ Nam Kinh (tức là Đại học sư phạm Nam Kinh hiện nay), đã diễn giảng một bài rất cảm động là: "Phật pháp chẳng phải tôn giáo, chẳng phải triết học, mà là nhu cầu cấp thiết của đời sống hiện nay", nói rõ Phật pháp không phải là tôn giáo, cũng không phải là triết học, mà nó chính là thứ mà người ta hiện nay đều cần phải học tập. Phật pháp biến chất thành tôn giáo và triết học, thật tại là rất bất hạnh, thế nhưng đối với xã hội thì không đến nỗi ảnh hưởng gì.

Những năm gần đây, chúng ta thấy có nơi Phật pháp biến thành "tà giáo". Quý vị có quan sát rõ ràng mới thấy đối với cá nhân, xã hội là rất có hại. Có nơi Phật pháp bị biến chất pha tạp quá nhiều. Đại sư Âu Dương nói với chúng ta Phật pháp là thứ mà người hiện tại cần phải học tập; nhưng lại chưa nói rõ Phật pháp cứu cánh là gì, ông muốn để tự chúng ta lãnh ngộ, thể hội.

Chúng ta bình tĩnh quan sát sẽ thấy "Phật pháp" chính là "giáo dục", là "giáo học", từ cách xưng hô thường thấy trong kinh luận có thể chứng minh

được điều này. Chúng ta gọi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là “Bổn Sư”, tự xưng mình là “đệ tử”. Chỉ có trong giáo dục giáo học mới có loại xưng hô này, đây là mối quan hệ thầy trò. Phật là thầy gốc của chúng ta.

Phật pháp hướng dẫn chúng sinh “phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui”. Phật nói vô lượng khổ não của tất cả chúng sinh, bắt nguồn từ chỗ không hiểu rõ chân tướng của chính mình và hoàn cảnh sinh hoạt, cho nên đã sinh ra cái thấy, cái nhìn sai lầm, do đó mới có bao nhiêu là khổ nạn. Nếu có thể triệt để hiểu rõ chính mình và hoàn cảnh sinh hoạt, thì tư tưởng và kiến giải sẽ chính xác, tất cả khổ tự nhiên tiêu trừ, đạt đến chỗ khoái lạc chân chính. Đây là nội dung của giáo học, tôn chỉ của giáo dục Phật pháp. Do đó đủ biết giáo dục của Đức Phật thật tại có thể đem lại lợi ích chân thật cho tất cả chúng sinh. Đây chính là chỗ mà đại sư Âu Dương đã nói “Phật pháp là nhu cầu tu học cần thiết của tất cả chúng sinh”.

Bước đầu tu học Phật pháp chính là truyền thọ tam quy. Tam quy là tổng cương lĩnh, tổng phương hướng tu hành Phật pháp. Học Phật là bắt đầu từ tam quy, nó là tổng nguyên tắc tu học của người học Phật phải tuân thủ thực hành suốt đời. Thứ nhất là quy y Phật, thứ hai là quy y Pháp, thứ ba là quy y Tăng. Thời xưa giảng pháp cách này, mọi người sẽ không phát sinh hiểu lầm. Thế nhưng Phật pháp từ xưa lưu truyền đến nay, căn cứ theo sự ghi chép của lịch sử Trung Quốc đã có gần ba ngàn năm, đời đời tương truyền, không tránh khỏi lẫn lộn một số tri kiến không chính xác ở trong đó, hiểu sai nghĩa chân thật của tam quy, như người Trung Quốc thường nói “Dùng sai truyền sai”.

“Lục Tổ Đàn Kinh” là trước tác đời Đường, cách nay khoảng 1300 năm. Trong “Đàn Kinh” Lục Tổ nói “Tam quy y” thì nói là “quy y giác”, “quy y chính”, “quy y tịnh”, mà không dùng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Điều này khiến chúng ta liên tưởng đến, ngay từ trước thời triều Đường đại khái có rất nhiều người hiểu lầm ý nghĩa quy y Tam Bảo. Nếu không có người hiểu lầm, Lục Tổ đâu phải dùng cách giảng này ! Tất nhiên là có rất nhiều người hiểu lầm. Trước 1300 năm nói quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng có người hiểu lầm, hà huống trải qua 1300 năm sau, ngày nay nói đến quy y Tam Bảo khó tránh khỏi mọi người hiểu sai ý nghĩa.

Đàn Kinh cho chúng ta một lời khai thị rất lớn. Lục Tổ giải thích Phật Pháp Tăng Tam Bảo: Phật là giác, là ý giác ngộ. Pháp là chính, là chính tri chính kiến. Tăng là tịnh, là sáu căn thanh tịnh, một hạt bụi không nhiễm. Còn chữ quy y, quy là hồi đầu, y là nương tựa.

Thế nào là quy y Phật? Thông thường người ta đối với bản thân, đối với hoàn cảnh sinh hoạt trước mắt xác thực là mê mà không giác. Phật dạy chúng ta từ mê hoặc điên đảo hồi đầu nương theo chính giác, đó mới là quy y Phật chân chính. Do đây đủ biết, Phật pháp giảng về Tam Bảo có rất nhiều cách nói, quy y giác là tự tính Tam bảo. Nếu hướng ngoài tự tính tìm học, chính là chỗ mà nhà Phật gọi là ngoại đạo. Nhà Phật giảng ngoại đạo không phải xem khinh người khác mà là cầu pháp ngoài tâm gọi là ngoại đạo. Phật pháp dạy chúng ta từ trong tâm tính mà cầu, cho nên Phật pháp là cái học bên trong, từ trong tâm mình mà cầu, không phải hướng ngoại mà cầu. Hướng ngoại mà cầu là sai, là không thể được, hướng nội cầu thì có cầu tất ứng. Đạo lý này, không những trong kinh luận của Phật nói rất rõ, Nho gia, Đạo gia của Trung Quốc cũng nói rất chính xác.

Quy y Tam Bảo, chỗ quy y chân chính là nương tựa tự tính Tam Bảo. Từ mê hoặc hồi đầu nương theo tự tính giác, câu này nói thì rất dễ nhưng rất ráo phải làm cách nào? Chúng ta rất muốn hồi đầu, rất muốn giác mà không mê, nhưng nó cứ mê hoặc điên đảo mãi. Nếu như không dừng lại trong sinh hoạt thực tại, cách nói này biến thành huyền đàm, huyền học, trên sinh hoạt thực tế không có được chút thọ dụng nào. Hiện tượng mê và giác là gì, mê cái gì, giác cái gì, Phật, Bồ Tát và phàm phu khác nhau như thế nào? Chúng ta từ trong đó có thể tìm ra một con đường, tìm được chỗ quy y chân chính.

Năm mươi ba tham vấn trong Kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị thiện tri thức đều là Phật Bồ Tát. Những biểu hiện của họ chính là tất cả hoạt động trong cuộc sống hằng ngày trước mắt, dù biểu hiện qua các hình tướng nam nữ, già trẻ, các ngành nghề nào trong sinh hoạt thường ngày, tợ hồ như với phàm phu không có gì sai biệt, cũng làm việc, cũng giao tiếp qua lại, các việc này cũng tương đồng như chúng ta. Như vậy chỗ bất đồng trong tương đồng tại đâu? Ở chỗ tâm thanh tịnh của họ. Sự việc của họ với chúng ta giống nhau không có chút nào sai biệt.

Chúng ta mỗi ngày làm việc 8 giờ, họ cũng làm việc 8 giờ. Chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày phát sinh phiền não, còn họ thì ngày ngày sinh trí tuệ. Đó chính là chỗ không giống. Chúng ta sinh hoạt, làm việc, giao tiếp đều sinh phiền não. Họ sinh hoạt, làm việc, giao tiếp đều sinh trí tuệ. Vì sao biết được? Lục Tổ Huệ Năng là một chứng minh, lúc ngài đến Hoàng Mai gặp Ngũ Tổ, bạch với Ngũ Tổ rằng: "Trong tâm của đệ tử thường sinh trí tuệ". Chúng ta đọc qua câu này có sự cảm xúc rất sâu sắc, tâm của ngài thường

sinh trí tuệ, tâm của ta thường sinh phiền não. Đây là chỗ bất đồng giữa Phật Bồ Tát và người phàm.

Trí tuệ vì sao sinh, phiền não từ đâu đến, chỉ cần làm cho rõ ràng thì sẽ biết từ đâu để hồi đầu, để nương tựa. Phiền não từ vọng tưởng phân biệt chấp trước mà sinh, đây là điều Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm. Chúng ta mặc áo ăn cơm có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đối người tiếp vật vẫn có vọng tưởng phân biệt chấp trước, từ chỗ này sinh phiền não, sinh thất tình ngũ dục, sinh tham sân si mạn, phiền não vĩnh viễn không đoạn. Do đây đủ biết, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tâm luân hồi, lục đạo luân hồi là do những hiện tượng tâm niệm này tạo thành. Chúng ta hằng ngày sinh hoạt, làm việc, giao tiếp chính là tạo nghiệp luân hồi. Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, tức là mê hoặc điên đảo.

Chúng ta học Phật, Phật dạy chúng ta hồi đầu, quy y tự tính giác. Tự tính giác tức là Phật tính. Phát Bồ đề tâm, tu Bồ Tát hạnh siêu việt thế gian và xuất thế gian pháp, xa lìa vọng tưởng phân biệt chấp trước tức là chân tâm, Phật tính. Xa lìa vọng tưởng phân biệt chấp trước thì sinh hoạt của chúng ta tức là Bồ Tát hạnh. Mỗi ngày đi làm việc cũng là Bồ Tát hạnh. Từ sáng đến chiều giao tiếp vẫn là Bồ Tát hạnh. Mấu chốt ở tại chỗ này, chính là đem vọng niệm xoay chuyển lại, từ trên quan niệm mà hồi đầu. Xa lìa vọng tưởng phân biệt chấp trước, chỗ dụng chính là chân tâm, “chân tâm ly niệm” là điều mà kinh Đại thừa thường nói. Niệm là vọng tưởng, vọng tưởng là vọng niệm, trong chân tâm không có vọng niệm, chân tâm là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Dùng tâm thanh tịnh sinh hoạt thì sinh hoạt thanh tịnh, dùng tâm thanh tịnh làm việc thì làm việc thanh tịnh, dùng tâm thanh tịnh giao tiếp thì giao tiếp thanh tịnh, không một thứ nào là không thanh tịnh. Tâm tịnh thân sẽ thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh.

Có một số vị đồng tu hỏi: “Tôi làm công việc cần phải suy nghĩ, nếu không suy nghĩ thì công việc của tôi làm sao thành tựu được?”. Lúc bạn làm việc cần phải suy nghĩ, cứ suy nghĩ, khi làm việc xong rồi thì không cần suy nghĩ lại nữa. Làm việc xong rồi lại còn nghĩ về nó tức là vọng tưởng. Niệm có vọng niệm, có chính niệm. Chính niệm là trong phạm vi việc làm của mình, ngoài ra không nghĩ tưởng thứ khác, những thứ khác với ta không tương can gì cả. Cũng vậy, công việc của bạn có thể làm được tốt, phiền não vọng tưởng ít đi, trí tuệ sẽ tăng trưởng, công việc sẽ rất thuận lợi. Tất cả thời, tất cả chỗ biết trưởng dưỡng tâm từ bi, thì dù cho việc gì cũng đều sẽ làm tốt,

cuộc sống lại càng vui vẻ thêm hơn. Chúng ta cũng cần nên học đại sư Huệ Năng “Trong tâm đệ tử thường sinh trí tuệ”.

Hiện nay làm các công việc đều phải suy nghĩ, đây là tập khí. Người tu hành chân chính, thời gian suy nghĩ như thế càng lúc càng ngắn, trình độ suy nghĩ càng lúc càng thưa dần. Nếu công phu thuần thực, dù việc làm trong ngành nghề nào cũng không cần phải suy nghĩ. Khi trí tuệ hiện tiền thì đâu phải suy nghĩ. Lúc trí tuệ chưa hiện tiền thì không thể lìa khỏi suy nghĩ, nhưng cần phải thu ngắn thời gian, thu nhỏ phạm vi suy nghĩ lại, nỗ lực làm nó giảm nhẹ khiến cho trí tuệ dần dần hiển lộ. Nếu nghĩ tưởng nhiều quá, xa quá, sâu quá thì trí tuệ hoàn toàn không có cách gì hiển lộ được, bởi vì vọng niệm chướng ngại trí tuệ vốn có của tự tính.

Nếu đem giác và mê làm cho rõ ràng, lý luận cũng minh bạch rồi thì nên chân thật mà làm, chân chính hạ thủ công phu. Nên học theo sự vận dụng lục căn của chư Phật Bồ Tát. Mắt thấy là sắc tướng, tai nghe là âm thanh, luyện tập lúc thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần khởi tác dụng, học không phân biệt, không chấp trước, đây chính là trí tuệ chân thật. Lại học “*Không khởi tâm, không động niệm*”, tức là *tu tâm thanh tịnh*, tự tính vốn định. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, không khởi tâm, không động niệm tức là đại thiên định. Định huệ chính là ở trong sinh hoạt hằng ngày mà tu, tu ở chỗ sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, đây là từ căn bản mà tu, là phương pháp tu hành cao cấp nhất.

Bốn mươi một vị pháp thân Đại sĩ trong Kinh Hoa Nghiêm, chính là dụng công ở phương diện này, cho nên không gò bó nơi hình thức tu thiên định, không phải là ngồi quay mặt vào tường, mà là lúc sáu căn đối với cảnh giới sáu trần không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước là trí tuệ. Chuyển tham sân si thành giới định tuệ, chuyển phiền não thành Bồ đề. Chúng ta khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước là tham sân si, Phật Bồ Tát không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt chấp trước, khởi tác dụng là giới định tuệ. Đây tức là vì sao Bồ Tát thường sinh trí tuệ, chúng ta thường sinh phiền não.

Phiền não chính là ba độc tham sân si, điều này cần phải biết. Từ vọng tưởng phân biệt mà hồi đầu, từ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước mà hồi đầu, nương theo chỗ không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đây tức là quy y Phật.

Pháp là đối với nhân sinh vũ trụ có nhận thức và hiểu biết chính xác. Trí tuệ chân thật hiện tiền thì tư tưởng, hiểu biết mới chính xác. Vọng tưởng phân

biệt chấp trước không buông xuống, cách nghĩ, cách nhìn đều là sai lầm. Chúng ta là người sơ học, nhất định phải nương theo kinh điển, chỉnh đốn lại cái thấy nghĩ sai lầm của mình. Những lời nói trong kinh tức là chính tri chính kiến của chư Phật Bồ Tát quyết định là chính xác.

Y theo kinh điển tu chính cách nghĩ, cách nhìn sai lầm của mình, tức là từ trong kinh Đức Phật dạy chúng ta làm thế nào, học tập thế nào là đúng. Do đó quy y Phật là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc. Quy y Pháp là dạy chúng ta làm thế nào từ trong công việc nhỏ nhất hằng ngày mà tu học, tuân thủ lời dạy của Phật.

Kinh điển của Phật rất nhiều, chúng ta có cần phải mỗi bộ kinh đều học tập không? Không cần. Kinh Phật là ghi chép những lời Phật dạy cho đại chúng khi còn tại thế. Mỗi chúng sinh có những khó khăn và mê hoặc của mình, họ hướng về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thưa hỏi, Phật dạy cho họ phương pháp giải trừ mê hoặc điên đảo, lìa khổ được vui, về sau ghi chép lại thành một bộ kinh. Như vậy kinh là do Phật chỉ dạy một lần để giải quyết vấn đề, để được lợi ích cho người nghe. Do đó đủ biết, một bộ kinh là đầy đủ rồi, điều này quả thật chính xác.

Hiện tại chúng ta không gặp được Phật, Phật để lại rất nhiều kinh điển, phải nương theo một bộ kinh mà tu mới tốt, điều này rất hiện thực, cũng là vấn đề rất khó khăn. Phật như là thầy thuốc, chúng ta là bệnh nhân. Thầy thuốc vì chúng ta chẩn đoán cho thuốc, quả thực uống thuốc bệnh dứt, giải quyết vấn đề. Hiện nay thầy thuốc không còn, lưu lại một lô toa thuốc (kinh điển ví như toa thuốc). Chúng ta là người bệnh, những toa thuốc này phải dùng đúng, bệnh sẽ khỏi. Nếu dùng không đúng bệnh thì sẽ rắc rối lớn. Phật pháp xác thực như thế, phương pháp tu hành, lý luận kinh điển nếu cùng với căn cơ tương ứng, thì một đời quyết định thành tựu. Nếu không tương ứng cũng như uống lầm thuốc, chẳng những một đời cứu không được, về sau lại càng phiền phức hơn nữa.

Các vị đồng tu nhất định phải cảm nhận sâu sắc vấn đề này. Làm sao biết được? Rất nhiều bạn đồng tu học Phật, trước khi chưa học Phật còn tốt, sau khi học Phật phiền não càng nhiều, càng học, phiền phức càng nhiều, cá nhân, gia đình phiền phức cả khối kéo đến, đây là thuốc không đúng bệnh, uống lầm thuốc.

Thật tình mà nói, chọn lựa pháp môn là một việc lớn, nhưng chúng ta không có khả năng, cũng không đủ trí tuệ. Như mình bị bệnh, thầy thuốc để lại một lô toa thuốc trong đó, nhưng không có người hướng dẫn thì việc này

thật rắc rối. Muốn gặp may không phải dễ, giống như mua vé số muốn trúng số đặc biệt không phải dễ, không có được vận may đó đâu. Cần phải nhờ vào thiện tri thức chân chính có tu có học, trợ giúp chúng ta chọn lựa pháp môn. Tuy nhiên, đời nay người chân chính có học vẫn có đạo đức không nhiều, một đời chưa chắc gặp được, gặp được rồi chưa chắc đã nhận thức được họ.

Người càng có học vẫn càng có đạo đức thì càng khiêm hạ, nếu hỏi thì họ sẽ đáp là: “Tôi không hiểu, tôi không có trí tuệ, không có năng lực, không có tu trì”, nếu họ nói rằng “Tôi thực hành, tôi có trí tuệ, môn nào cũng đều thực hành” đó không phải là chân thật. Hiện nay chúng ta không đủ năng lực để phân biệt chân giả, duy nhất có thể thực hành là, 3000 năm trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã vì người thời đó chỉ thị một con đường sáng, theo như Kinh Đại Tập đã nói: “Thời kỳ chính pháp, giới luật thành tựu. Thời kỳ tượng pháp, thiền định thành tựu. Thời kỳ mạt pháp, Tịnh độ thành tựu”.

Hiện nay chúng ta sinh vào thời kỳ mạt pháp. Vận pháp của Phật gồm có: Chính pháp 1000 năm, tượng pháp 1000 năm, mạt pháp một vạn năm. Chúng ta sinh sau Đức Phật Thích Ca diệt độ 2000 năm rồi, tức là thời kỳ mạt pháp, Phật nói “Thời kỳ mạt pháp, Tịnh độ thành tựu”, chúng ta quyết định phải chọn pháp tu Tịnh độ, chân thật niệm Phật, quyết định thành công. Đó là tuân thủ theo chỉ thị của Phật. Cũng có người tu thiền thành tựu, có người tu mạt thành tựu, những vị căn cơ đặc biệt rất ít, không phải ai cũng được.

Chúng ta suy nghĩ thật kỹ xem mình có phải là căn tính đặc biệt không? Người căn tính thượng thượng có thể thí nghiệm học thiền, học mạt hoặc học các pháp môn khác, nếu biết căn tính của mình bình thường thì hãy chân thật tuân thủ chỉ thị của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là rất có hy vọng.

Chân thật niệm Phật, không ai không thành tựu, đặc biệt là đọc qua kinh luận Tịnh tông rồi tư duy nghiên cứu tường tận, thật sự có đạo lý. Ở trong tất cả pháp, quy y kinh điển vô lượng, chúng ta chọn “năm kinh một luận” của Tịnh tông. Sáu bộ này phân chia ra không nhiều đủ để chúng ta một đời thọ dụng, quyết không thể xem thường. Phân lượng của sáu bộ này tuy ít, nếu giảng tường tận thì giảng mười năm cũng chưa xong, cho nên y theo sáu bộ kinh này tu hành là đủ. Quy y pháp, chúng ta chọn lựa năm kinh một luận thuộc Tịnh tông là rất thực tế.

Lúc Tịnh tông học hội thành lập, trong phần “Duyên khởi” có đề xuất năm mục lớn để thực hành, tức là trong sinh hoạt hằng ngày cần phải tuân thủ

năm quy chế “Tam phước, lục hòa, tam học, lục độ, thập đại nguyện vương”. Đầu từ trong năm kinh một luận của Tịnh tông mà ra. Chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày khởi tâm động niệm, thời thời cùng với lời nói của Phật đối chiếu, nếu tương ứng tức là chính xác, thì sẽ không làm sai, không nghĩ sai. Nếu cùng với lời Phật nói trái ngược, thì là nghĩ sai, làm sai. Chúng ta thật sự nắm lấy cương lĩnh, dùng nó để kiểm điểm, tu chính hành vi sinh hoạt của mình.

Quy y Tăng, Tăng ý là thanh tịnh, một bụi trần không nhiễm. Đặc biệt là Tịnh tông, chú trọng tu tâm thanh tịnh. Trong lời nguyện quy y có câu “quy y Tăng chúng trung tôn”. “Chúng” là chỉ cho đoàn thể, xã đoàn. Trên thế giới xã đoàn có rất nhiều, nhỏ thì một gia đình được coi là một đoàn thể. Phật nói với chúng ta, đoàn thể người học Phật ở trong đoàn thể của tất cả thế gian, rất được tôn kính và ca ngợi, bởi vì nó là “đoàn thể mô phạm”, có thể là tấm gương cho các xã đoàn. Đặc điểm của nó là mỗi phần tử của xã đoàn đều có thể sống hòa thuận với nhau, là đoàn thể hòa hợp. Đoàn thể rất sợ bất hòa, cách nghĩ cách nhìn của họ rất gần gũi “kiến hòa đồng giải”, cũng chính là do kiến lập được ý thức chung.

Cách nghĩ, cách nhìn nhất trí là cơ sở của một đoàn thể hòa kính. Đặc biệt là tại Úc châu, hai ngày qua chúng tôi gặp được hai vị thủ trưởng chính phủ ở đây đều rất từ bi, hiền lành, thực tại rất hiếm có. Họ nói với tôi “Úc châu là xã hội đa nguyên văn hóa, có các chủng tộc bất đồng, tín ngưỡng tôn giáo bất đồng, làm thế nào trong chỗ khác biệt đó tìm ra được cái đồng, kiến lập được ý thức chung, đây là việc rất trọng yếu”. Hai ngày ấy chúng tôi tiếp xúc, hai bên đều có ý thức chung này, hy vọng chúng ta từ chỗ này có thể đoàn kết phát triển trên cơ sở “kiến hòa đồng giải”. Điều kiện thứ hai hòa hợp xã đoàn là “giới hòa đồng tu”. Trì giới tức là biểu thị tuân thủ pháp, tôn trọng người khác, tôn trọng luật pháp, tôn trọng tập quán sinh hoạt của người khác, tôn trọng tín ngưỡng tôn giáo người khác. Tất cả đều tôn trọng mà không bài xích, thì có thể thương yêu nhau, hỗ trợ hợp tác, xã hội mới có thể hòa thuận sống vui vẻ với nhau, mới có thể hưng thịnh, cùng nhau phát triển.

Đoàn thể lục hòa kính của Phật rất tôn quý trong các đoàn thể. “Quy y Tăng, chúng trung tôn”. Chúng ta phải hướng về mục tiêu này mà nỗ lực. Người khác không tôn kính chúng ta, chúng ta phải nên tôn kính họ, người bài xích chúng ta, chúng ta càng phải yêu thương họ, dùng tâm nhẫn nại và chân thành cảm hóa họ. Có như thế, mới có thể đạt đến mục tiêu hòa hợp sống cùng nhau. Chữ Tăng có những ý nghĩa như vậy. Quy y Tam Bảo,



chính là quy y giác chính tịnh. Giác mà không mê, chính mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Bình thường nên giữ tâm thanh tịnh của mình, tâm thanh tịnh chính là tâm giác, là giác ngộ, là chính tri chính kiến. Cho nên “Giác, Chính, Tịnh” thực tại là một mà ba, ba mà một, đều chỉ cho chân tâm bản tính của chúng ta.

Từ xưa đến nay, Phật pháp tại Trung Quốc có mười tông phái lớn, vô lượng pháp môn. Dù bao nhiêu tông phái pháp môn, phương pháp tu hành đều quy nạp thành ba loại lớn là “Giác, Chính, Tịnh”. Thông thường mà nói, Thiền tông, Tịnh tông (Pháp Tịnh tông) là từ cửa giác mà vào. Mục tiêu của Thiền tông là phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cái này trong giác chính tịnh gọi là “cửa giác”. Ngoài ra gọi là “giáo hạ” như Thiên Thai tông, Hiền Thủ tông, Pháp Tướng tông, Tam Luận tông, đều từ kinh điển nhập môn, tức là từ “cửa chính” mà vào. Dùng lời dạy, lý luận và phương pháp trong kinh điển, tu chính lại cách nghĩ cách nhìn sai lầm của mình, đây là đi theo cửa chính. “Tịnh tông” hoàn toàn dùng phương pháp nhất tâm niệm Phật tu tâm thanh tịnh, đây là từ “cửa tịnh” mà vào.

Ba cửa Giác, Chính, Tịnh, “cửa giác” nhất định phải là người thượng căn lợi trí mới có thể khế nhập, nếu không phải là người trí tuệ thượng đẳng thì không cách gì khai ngộ được. Từ “cửa chính” cần phải có thời gian dài, giống như đi học vậy, từ tiểu học, trung học, đại học rồi nghiên cứu sở, y theo kinh giáo của Phật dạy phải có thời gian dài huân tập mới có thể khế nhập, tuy người trung căn, hạ căn có thể khế nhập, nhưng thời gian rất dài mới được. So ra thì “cửa tịnh” vẫn tốt hơn, không cần phải căn cơ thượng thượng, càng không phải mất thời gian rất dài, một câu A Di Đà Phật, tu tâm thanh tịnh, nhất định có thể vãng sinh, bất thối chuyển, thành Phật. Ví như một giảng đường có ba cửa, ở ngoài nhìn vào thì không giống, vào trong thì giống nhau. Do đây đủ biết, dù từ cửa nào vào cũng đều giống nhau cả. Cho nên khi khế nhập, Giác Chính Tịnh đều đồng thời đạt được, đồng thời đầy đủ. Vãng sinh Tịnh độ tức là khế nhập cảnh Phật. Phương pháp này được tất cả chư Phật tán thán, được xem là cao minh, bởi vì nó rất phương tiện, không cần phải thượng căn lợi trí, cũng không phải uống phí nhiều thời gian, quả thật là pháp môn rất thù thắng.

“Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải” có nói: “Nay sẽ bàn về sự lợi ích, kia là giả (chỉ cho Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa) đây là thật (chỉ cho Kinh Vô Lượng Thọ). Vì sao thế? Vì kinh kia nói rằng mau chóng thành Phật đạo, nhưng không thấy ai mau chóng thành Phật... Nay người nào tin mà không nghi, mười người thì đều sinh cả mười. Vãng sinh bất thối cho đến khi thành tựu

Bồ đề. Chỗ mới sinh ấy là Bồ đề. Sau này đến thời diệt chỉ có một Pháp này. Tất cả Thánh phàm thực hành theo thì lợi ích thật không gì vượt hơn”. Đoạn này đã nói rõ Đức Thế Tôn 49 năm thuyết pháp tất cả kinh luận, nếu nói về lợi ích chân thật thì không có gì qua pháp niệm Phật vắng sinh Tịnh độ. Cho nên Thập địa Bồ Tát trước sau không lìa niệm Phật. Vừa qua tôi đã trình bày rõ ràng cho quý vị “thế nào là quy, thế nào là y” rồi.

Ngoài “Tự tính Tam Bảo” còn có “Thường trụ Tam Bảo”, đây là hình tượng. Tượng Phật là Phật Bảo, kinh điển là Pháp Bảo, người xuất gia là Tăng Bảo. Tam Bảo trên hình tượng rất có tác dụng, nếu không có hình tượng Tam Bảo, ngày nay tuy có đem đại ý Tam Bảo giảng cho đại chúng rất rõ ràng, rất minh bạch e rằng quý vị sẽ quên mất, qua hai ngày là hoàn toàn không còn nhớ nữa. Do đó cúng dường hình tượng Tam Bảo lợi ích rất lớn. Trong nhà có thờ tượng Phật, khi nhìn thấy tượng Phật, liền nghĩ đến bản thân mình phải quy y tự tính giác.

Sáu căn tiếp xúc sáu trần phải học Phật Bồ Tát, không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Thấy tượng Phật để đánh thức bản thân mình. Chỗ ứng dụng hình tượng Phật là như vậy, không phải dạy người ngày ngày hương hoa nước quả cúng dường, hướng về Ngài lễ bái cầu xin là không đúng.

Phật Bồ Tát mong muốn chúng ta giác ngộ, không mong muốn chúng ta mê hoặc điên đảo, nhưng có những người sai lầm đem Phật Bồ Tát làm thần minh để cầu khẩn. Cho nên phải biết đạo lý cúng dường tượng Phật là ở chỗ cảnh tỉnh mình giác mà không mê. Thấy kinh điển thì phải nghĩ đến chính tri chính kiến, chính mà không tà. Thấy người xuất gia liền nghĩ đến tịnh mà không nhiễm, rồi nghĩ đến mình phải tu tâm thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh, phải cùng đại chúng sống hòa hợp với nhau.

Cứ như vậy thời thời cảnh tỉnh lấy mình, lợi ích thật là rất lớn, do đó Trụ trì Tam Bảo có lợi ích công đức như thế. Đủ biết Trụ trì Tam Bảo rất cần thiết dù là hình tượng Tam Bảo nhưng phải có nội dung thực chất, mới có được lợi ích chân chính. Nếu không có nội dung thực chất, chỉ là hình thức mặt ngoài thì không có lợi ích. Quý vị hiểu rõ đạo lý, hiểu được cách thức nhập môn rồi thì đây là “truyền thọ tam quy”, đem ý nghĩa tam quy, cương lĩnh nguyên tắc tu học truyền trao cho mọi người.

Nghi thức tam quy là ở trước hình tượng chư Phật Bồ Tát phát nguyện, thệ nguyện, từ nay về sau phát tâm nhất định phải làm như vậy, do một vị pháp sư xuất gia vì bạn làm chứng minh, chứng minh bạn đã thật sự phát

thệ, phát nguyện làm một vị đệ tử Phật chân chính. Nghi thức tam quy giản đơn mà long trọng. Hiện tại có nhiều nghi thức rất phức tạp và tốn thời gian, lại không hiểu được ý nghĩa của tam quy. Mơ hồ quy y Phật, sau khi quy y rồi vẫn mơ hồ cho qua ngày, điều này với giáo nghĩa Phật pháp hoàn toàn trái ngược. Chân chính hồi đầu nương theo Tự tính Tam Bảo, người này hoàn toàn cải biến. Nói chung cải tạo vận mạng, thậm chí cải tạo cả thể chất. Vận mạng, thể chất đều có thể cải tạo được, tâm niệm hồi đầu lại thì hoàn toàn cải biến.

Về nghi thức tam quy y, chúng ta sử dụng nghi thức tam quy của Hoảng Nhất Đại sư rút từ trong Giới Kinh Tiết Lục. Hoảng Nhất Đại sư nói: Đức Thế Tôn lúc còn tại thế, dùng nghi thức này truyền trao tam quy cho các đệ tử, cho nên chúng ta cũng phải tuân theo nghi thức này.

Quy y Phật, chúng ta thiết thực quy y Phật A Di Đà. Vì sao không quy y Đức Phật Bốn Sư Thích Ca? Phật Thích Ca dạy chúng sinh quy y Phật A Di Đà. Do đó chúng ta quy y Phật A Di Đà, chính là kỳ vọng của Phật Thích Ca đối với chúng ta. Quy y Pháp, chúng ta thiết thực quy y Kinh Vô Lượng Thọ. Quy y Tăng, chúng ta thiết thực quy y Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, hai vị Bồ Tát Tăng bảo này.

Nếu có người hỏi, bạn đã quy y chưa? Bạn trả lời tôi đã quy y Tam Bảo rồi. Quy y vị pháp sư nào? Quy y Phật A Di Đà đại pháp sư, tôi là đệ tử của Phật A Di Đà. Ai chứng minh cho bạn? Pháp sư Tịnh Không chứng minh cho tôi. Nói điều này hoàn toàn chính xác, không nên nói tôi quy y pháp sư Tịnh Không. Đó là điều sai lầm lớn.

Trước đây lúc tôi truyền trao tam quy thường giảng, chúng ta quy y Tam Bảo, không phải quy y cá nhân nào. Quy y cá nhân nào tức là đem Tăng đoàn của Phật pháp phân hóa, đây là sai lầm rất nặng. Nếu y theo giới kinh kết tội thì đó là phá hòa hợp Tăng, đọa A tỳ địa ngục. Cho nên pháp sư chứng minh tam quy làm đại biểu cho Tăng đoàn truyền trao tam quy, vì chúng ta mà chứng minh. Từ “Đàn Kinh” mà xét, tam quy ít lắm cũng đã hiểu lầm hơn 1000 năm, điều này cần phải biết rõ ràng chúng ta mới có một lối đi chân chính.

*Giảng tại Queensland - Australia*

# TRUYỀN THỌ TAM QUY

Quý vị đồng học thân mến.

Hôm nay tôi vì quý vị truyền trao tam quy, đầu tiên nên đem ý nghĩa tam quy nhận thức rõ ràng. Từ sự thừa truyền Phật pháp hiện nay phát sinh rất nhiều hiểu lầm, chúng ta cần phải phân biệt cho rõ ràng, mới có thể được chỗ lợi ích chân thật của Phật pháp. Phật pháp cứu cánh là gì? Nó có phải là tôn giáo không? Nói một cách chính xác, Phật pháp là sự giáo dục đối với chín pháp giới hữu tình chúng sinh, nó không thuộc về tôn giáo. Năm thứ 12 Dân quốc, Âu Dương Cảnh Vô tiên sinh tại Đại học Trung Sơn đệ tứ đã phát biểu một bài là: "Phật pháp chẳng phải tôn giáo, chẳng triết học, mà là nhu cầu cần thiết của đời sống hiện tại". Lần diễn giảng này đã làm rung động giới Phật giáo đương thời, sự phân tích của Âu Dương tiên sinh rất đạo lý. Cư sĩ Vương Ân Dương đã ghi chép lại bài này lưu truyền nơi đời, gần đây chúng tôi ở Đài Loan cũng đem bài này phiên ấn lưu thông, xin tặng quý vị để tham khảo học tập.

Phật giáo đã là giáo dục, mục đích, phương pháp, tôn chỉ của Phật giáo ở chỗ nào, đó là điều chúng ta không thể không biết. Tôn chỉ giáo dục của Phật giáo nếu dùng danh từ Phật học để nói, thì theo như kinh điển Bát Nhã thường nói là "chư pháp thật tướng". Dùng từ hiện nay để giảng, chư pháp là tất cả pháp, cũng chính là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Vũ trụ là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta. Nhân sinh tức là bản thân của chúng ta. Nội dung cứu cánh giáo dục Phật giáo là gì? Chính là dạy chúng ta nhận rõ chính mình, cùng với chân tướng hoàn cảnh sinh hoạt của mình. Quý vị nghĩ kỹ lại xem nó có trọng yếu hay không? Giáo dục của thế gian chỉ nói đến một bộ phận của vũ trụ nhân sinh, một bộ phận đó vẫn chưa thấy được chân thật, quá nửa còn ở chỗ tìm kiếm, nghiên cứu, không dám quả quyết kết luận. Tôn giáo cũng không thể bao hàm toàn bộ sinh hoạt của chúng ta, chỉ là cục bộ sinh hoạt. Do đó đủ biết, phạm vi nội dung giáo học của Phật giáo rộng lớn tinh thâm, chúng ta cần phải tu học.

Không gian mà chúng ta sống, không chỉ hạn chế ở một đô thị, một khu vực trước mắt, cho đến chỗ địa cầu này. Ngoài địa cầu vẫn còn có hư không, trong hư không có vô lượng tinh cầu, rất nhiều tinh cầu có sinh vật, có những sinh vật so với chúng ta thông minh hơn, cao đẳng hơn. Toàn bộ những thứ đó đều là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta. Ngoài không gian ra vẫn có quá khứ, vị lai. Cho nên tận hư không biến pháp giới đều là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta.

Phạm vi giáo dục hiện nay không có thảo luận rộng lớn như vậy, theo như Nho gia đã giảng thì đối với thời gian mà nói, nó là giáo dục một đời, bắt đầu từ hoài thai, cuối cùng đến già chết là hết. Nho gia là sự giáo dục một đời, phạm vi giáo dục của họ nói về nhân đạo, cùng lắm là nói đến thiên đạo. Khổng Phu Tử rất ít nói đến trời hoặc quỷ thần, mà nói về nhân đạo rất rõ ràng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì đem tình hình của lục đạo nói rất rõ ràng minh bạch. Ngoài lục đạo còn có tứ thánh pháp giới, như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật gọi chung là mười pháp giới. Mười pháp giới đều là phạm vi hoạt động của chúng ta, đều nên nhận thức rõ ràng.

Chân tướng của vũ trụ nhân sinh nhận thức rõ ràng rồi thì tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của chúng ta tự nhiên sẽ không giống như trước đây. Trước đây nhận thức không rõ ràng, mê hoặc điên đảo, cho nên nghĩ sai, thấy sai, làm sai, đây tức là chỗ tạo nghiệp của người ta. Đã tạo nghiệp đương nhiên có quả báo. Thiện nghiệp có thiện quả, ác nghiệp có ác báo, quả báo đều là tự mình tạo tác, tự mình phải nhận chịu, không ai có thể thay thế.

Do đó đủ biết, đệ tử Phật đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh phải hiểu biết triệt để. Sau khi hiểu rõ rồi có lợi gì? Điều lợi thì rất nhiều, nói không thể hết được. Điều thứ nhất là từ nay về sau không tạo nghiệp. Không tạo nghiệp thì không có quả, cũng không có báo, không có quả không có báo thì đi đâu? Đây chính là chỗ mà kinh điển Phật thường nói, tức là siêu việt mười pháp giới. Mười pháp giới là quả là báo. Nói một cách khác, tứ thánh pháp giới là quả, đều là người tu hành chứng quả. Lục đạo là báo, thiện có thiện báo, ác có ác báo. Lại đem tiêu chuẩn hạ xuống một chút, thì lấy lục đạo mà nói, tam thiện đạo là quả, tam ác đạo là báo. Cho nên tiêu chuẩn có thể cao có thể thấp, đó là điều chúng ta nhất định phải biết.

Sau khi hiểu rõ rồi không tạo nghiệp, ít nhất cũng không tạo nghiệp ác nữa. Thực tại trong sinh hoạt của chúng ta, mỗi người đều mong muốn mình trong đời này đạt được hạnh phúc khoái lạc chân chính, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi, xã hội tốt đẹp, quốc gia phú cường, thế giới hòa bình. Điều này có thể làm được không? Đều có thể làm được. Tôi xin thưa với quý vị rõ ràng, chỉ có giáo dục Phật giáo dạy chúng ta kết quả viên mãn trăm phần trăm. Nếu như đem việc này nhận xét cho kỹ mới biết, giáo dục Phật giáo là điều mà chúng ta cần phải tu học, phạm vi giáo dục này là tận hư không biến pháp giới, đương nhiên siêu việt quốc giới, siêu việt chủng tộc, siêu việt chủ nghĩa, cũng siêu việt cả tôn giáo. Nói một cách khác chín pháp giới hữu tình chúng sinh, người người đều nên tu học, đều nên tiếp thu.

Tín đồ tôn giáo đến học Phật, lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, chúng ta có thể thấy trong kinh điển ghi chép rất nhiều. Sau khi Phật thị hiện thành Phật, bộ kinh thứ nhất Đức Phật tuyên giảng ở trong định là "Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm", chúng ta thấy rất nhiều tôn giáo khác nhau, đều đến chỗ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni để cầu học. Như Bà La Môn Thắng Nhiệt trong 53 tham là tín đồ tôn giáo (Bà La Môn là tôn giáo của Ấn Độ). Họ không chỉ là tín đồ tôn giáo Bà La Môn, mà còn là học giả trong tôn giáo Bà La Môn, cũng là lão sư giáo đồ của họ, giống như Mục sư của Cơ Đốc giáo, cha cố của Thiên Chúa giáo, giống như Biển Hành ngoại đạo v.v... Nữ Bà La Môn nói trong Kinh Địa Tạng, là con gái của Bà La Môn giáo, tu học Phật pháp, cô ta cũng chứng được quả vị A La Hán, cũng có thể chứng được quả vị Bồ Tát, từ chỗ này mà xét, thì sẽ hiểu được Phật giáo xác thực là siêu việt tôn giáo, dù cho tín đồ tôn giáo nào đều cũng có thể học Phật được.

Ở trong giáo dục của Đức Phật, A La Hán là học vị thứ nhất, cũng giống như học vị cử nhân của đại học hiện nay, họ có thể đạt được học vị này. Bồ Tát là học vị cao hơn một cấp, tương đương với học vị thạc sĩ, họ cũng có thể đạt được. Phật là học vị tối cao, tương đương với học vị tiến sĩ, họ vẫn có thể đạt được, cũng tức là nói họ có thể thành Phật, như vậy có cần phải thay đổi tôn giáo của họ không? Không cần, giống như đến trường học vậy, chúng ta lưu học ở nước ngoài, không cần phải thay đổi quốc tịch của mình, không cần phải thay đổi chủng tộc của mình, cũng không cần phải thay đổi tín ngưỡng tôn giáo, mà là đến để cầu học.

Phật giáo là giáo dục, A La Hán, Bồ Tát, Phật, đều là danh xưng của học vị, không cần phải thay đổi tôn giáo, không cần phải thay đổi chủng tộc, không cần phải thay đổi quốc tịch, đều có thể đạt được bình đẳng. Đó là điều mà trước tiên chúng ta phải nhận thức rõ ràng. Chúng ta đã hiểu một cách chính xác rồi, cần phải phát tâm cầu học, phát nguyện làm học sinh của Phật Thích Ca Mâu Ni. Đây chính là chỗ mà tục ngữ Trung Quốc thường nói, đã đến cầu học, trước phải chính thức tôn kính thầy. Thầy sẽ đem phương hướng, cương lĩnh, mục tiêu tu học truyền trao cho ta, cách này gọi là "truyền thọ tam quy y". Cho nên tam quy y là chính thức bái thầy để học đạo.

Thầy chúng ta là Phật Thích Ca Mâu Ni, cho nên chúng ta gọi ngài là "BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT". Bổn Sư là vị thầy gốc, giáo dục Phật Đà do Ngài sáng lập, truyền mãi cho đến ngày nay đời đời thừa truyền, chúng ta thủy chung không quên gốc, không quên ghi nhớ vị thầy bổn sư này. Thực

tại mà nói, đệ tử tại cửa Phật chỉ có một vị thầy. Học sinh của thầy thời quá khứ trước chúng ta, là học sinh của Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta ngày nay cũng tôn Phật Thích Ca làm thầy, chúng ta cùng với họ là mối quan hệ đồng học, chư đại Bồ Tát như Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Quán Âm đều là học sinh của Phật, họ là đàn anh của chúng ta. Đương nhiên họ có năng lực dạy đạo cho chúng ta, chúng ta có thể nhờ vào thầy để đối xử, để tôn trọng họ. Nhưng địa vị đích thực của họ là bạn học của chúng ta, là đàn anh của chúng ta, chúng ta là học đệ của họ. Mối quan hệ này cũng phải phân biệt rõ ràng, không nên đem Phật, Bồ Tát, A La Hán làm thần minh để đối xử, để cầu khẩn, đó là sai lầm.

Mục đích tu học Phật pháp ở chỗ nào? Trong kinh luận Phật thường dạy chúng ta “A NẬU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ”. Câu này là dịch âm của Phạn ngữ, đương thời trong thể thức ngữ bất phiên thuộc về phần “tôn trọng không phiên dịch”. Câu này rất quan trọng, chúng ta hết sức tôn trọng, cho nên giữ lại nguyên âm của nó, dùng âm mà dịch thì ý nghĩa của nó là “Vô thượng Chính đẳng Chính giác”, dùng từ hiện nay mà nói tức là “trí tuệ cứu cánh viên mãn”.

Ý nói đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh không điều gì là không biết, không điều gì là không giác. Đó là mục tiêu của người học Phật mong muốn đạt đến. Học Phật phải biết điều chúng ta muốn học là gì, học là học cái “trí tuệ cứu cánh viên mãn”, học là đối với “chân tướng của vũ trụ nhân sinh phải triệt để hiểu rõ.”

Phật nói với chúng ta “trí tuệ cứu cánh viên mãn”, chúng ta xưa nay vốn có. Trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Xuất hiện Đức Phật có nói, “Tất cả chúng sinh, đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai”, đây thật là bình đẳng chân chính. Tất cả chúng sinh, không những chỉ cho người trời, mà chỉ cho tất cả động vật, sâu, kiến cũng là chúng sinh, ngựa quý, địa ngục cũng là chúng sinh, đều có trí tuệ viên mãn như Phật, hiện tại vì sao không có trí tuệ? Phật dạy “Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc”.

Câu nói này Phật đã đem căn bệnh của chúng ta mà giải trừ. Cũng chính là nói chúng ta vốn là Phật, hiện tại biến thành như vậy chính là do vọng tưởng, chấp trước, mới đem bản năng của mình bỏ mất, nhưng không phải là thật mất. Nếu thật sự mất là không phải bản năng, nó chỉ vì mê mà mất, do đó Bồ Tát Mã Minh trong cuốn “Luận Khởi Tín” có nói với chúng ta “Bản giác vốn có, bất giác vốn không” hai câu này nói rất hay. “Bản giác” chính là đức tướng trí tuệ Như Lai, chúng ta vốn có. Vốn có đương nhiên có thể

chứng đắc. Điều này khiến cho chúng ta kiến lập tín tâm, có thể đạt đến mục tiêu ấy, có thể đạt đến nguyện vọng ấy.

“Bất giác” chính là vọng tưởng, chấp trước mà Phật đã nói. Vọng tưởng, chấp trước vốn vô, vốn không có, nhất định có thể đoạn trừ được hết. Vốn có, nhất định có thể chứng đắc. Điều này khiến chúng ta thành Phật đạo, đoạn vọng tưởng, phá chấp trước, tín tâm được đầy đủ. Cho nên chân tướng của sự thật nếu không hiểu rõ, chúng ta cũng vẫn cứ hoài nghi. Chúng ta là hàng phàm phu tội nghiệp sâu nặng có thể chứng đắc được Phật đạo không? Phiền não, tập khí, vô minh của chúng ta nặng như vậy, có thể đoạn dứt được không? Phật Bồ Tát từ bi chân thành vì ta mà nói, vốn có, thì nhất định có thể đạt được, vốn không có, thì nhất định có thể đoạn trừ. Lý thì không sai, nhưng trên sự thật phải làm như thế nào? Trên sự thật thì phải chú trọng tu hành.

Lý là chỉ tính đức, đức năng của bản tính xác thực là đầy đủ, nhưng ngày nay chúng ta xét cho cùng là có chướng ngại. Giống như trên trời có mặt trời, nhưng lúc bị mây che chúng ta không thấy được, đó cũng là sự thật. Tuy không thấy nhưng xác thực là có mặt trời, chỉ cần giải tỏa những đám mây ấy đi thì mặt trời sẽ xuất hiện. Tính đức của chúng ta giống như mặt trời, chỉ cần đem đám mây vọng tưởng, chấp trước trừ đi, một lần công phu ấy là tu đức. Có tu đức, tính đức mới hiển hiện. Nếu như có tính đức, không có tu đức thì là lục đạo phàm phu, đều không có tu đức. Tính đức tuy vốn có đủ vẫn phải luân hồi, vẫn phải sinh tử, vẫn phải chịu các thứ khổ đau. Cho nên tu đức rất trọng yếu.

Tu cái gì? Tu pháp nào? Bước đầu vào cửa Phật cầu thọ tam quy, tức là thỉnh cầu thiện tri thức đem cương lĩnh tu hành Phật giáo truyền trao cho chúng ta, để biết mình tu cái gì. Tam quy, quy là hồi đầu, y là nương tựa. Nhà Phật thường nói “hồi đầu là bờ” Người Trung Quốc ngày xưa nói “hồi đầu như ý”. “Như ý” của Trung Quốc, đầu là quay trở lại. Xưa kia làm quan lớn, trưởng giả giàu có trong tay thường nắm giữ như ý, là để lúc nào cũng nhắc nhở lấy mình, phải biết hồi đầu. Cho nên như ý cầm trong tay là khiến cho người ta nhìn thấy nó, biết hồi đầu, hồi đầu là bờ. Từ trong đó mà hồi đầu.

Tam quy y điều thứ nhất là quy y Phật. Đây là nói Tam Bảo, tu hành Tam Bảo, thứ nhất là Phật Bảo. Phật ý là giác ngộ, Phật Đà là tiếng Ấn Độ, Trung Quốc ý là giác ngộ. Nói một cách khác, dạy chúng ta từ bất giác, từ mê hoặc điên đảo quay đầu trở lại, nương theo giác ngộ. Quý vị nên suy nghĩ



cho tường tận, chúng ta ngày nay phát tâm học Phật, để cầu thọ tam quy y, tự mình có giác ngộ hay không? Chỉ không giác ngộ mới không chịu hồi đầu, không chịu học Phật. Cho nên học Phật để cầu thọ tam quy y, chính là giác ngộ. Trên đường có rất nhiều người, bạn hỏi họ vì sao họ không chịu học Phật, vì sao họ không chịu thọ tam quy y? Họ vẫn không biết, vẫn mê hoặc điên đảo, cho nên phát tâm học Phật, phát tâm cầu thọ tam quy y, là bắt đầu giác ngộ.

Trong “Đàn Kinh” Lục Tổ Huệ Năng vì chúng ta giảng tam quy, ngài không nói quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Chúng ta suy đoán dụng ý của ngài, đại khái là Phật pháp truyền đến Trung Quốc, trải qua thời gian rất lâu, e rằng người thường nói đến Phật Pháp Tăng sẽ nảy sinh quan niệm sai lầm, khi nói đến Phật thì nghĩ ngay đến tượng Phật bằng gỗ hoặc xi măng, nói đến Tăng thì nghĩ đến người xuất gia, đây không phải là chỗ quy y chân chính. Tam quy y giảng Phật là tự tính Phật, tức là giác ngộ tự tính, cũng chính là bản giác.

Bồ Tát Mã Minh giảng “bản giác vốn có”. Nương theo bản giác vốn có của bạn đó là đúng, không nên nương theo thổ giác và bất giác của bạn. Từ thổ giác, từ bất giác của bạn mà hồi đầu, nương theo bản giác vốn có của bạn đó là quy y Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng quy y Phật, không nói quy y Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật không nói pháp này. Đây là điều rất quan trọng. Quy y tự tính Phật chính là hồi đầu nương tựa tính giác, nhất định không thể làm sai. Nếu nương vào hình tượng bằng gỗ hoặc bằng đất, như tục ngữ có nói “Bồ Tát bằng đất qua sông, tự thân khó giữ còn hòng độ ai”, đó là điều không thể, là điều sai lầm lớn.

Thứ hai là quy y Pháp. Pháp là chính tri chính kiến, tức là tư tưởng chân chính, hiểu biết chân chính, đối với cái nhìn, cái hiểu về vũ trụ nhân sinh đều không có sai lầm, đó là Pháp Bảo, là trí tuệ vô lượng tự tính vốn có đầy đủ. Kinh Phật thường nói “Trí tuệ Bát Nhã” chính là Tự tính Pháp Bảo. Chúng ta ở tại thế gian, đối sự, đối vật nếu nghĩ sai, thấy sai, nói sai, làm sai, Phật dạy chúng ta từ tất cả sai lầm mà hồi đầu, nương vào trí tuệ tự tính vốn có, đó là quy y Pháp Bảo. Sau khi Phật diệt độ, Tam Bảo lấy Pháp Bảo làm trung tâm, lấy Pháp Bảo làm chủ, nói một cách khác, lấy trí tuệ làm chủ.

Trí tuệ xét cho cùng không phải trong khoảng thời gian ngắn có thể khôi phục, lúc trí tuệ của chúng ta chưa khai, thì phải làm cách nào? Tất cả kinh luận Phật nói với chúng ta, chính là chính tri chính kiến của Phật đối với vũ

trụ nhân sinh, tạm thời chúng ta lấy đó làm tiêu chuẩn. Trí tuệ của mình chưa khai thì nương theo kinh luận của Phật, khi chúng ta nghĩ điều gì, cần phải lấy kinh điển để đối chiếu, Phật nghĩ như thế này, ta cũng nghĩ như vậy, chứng minh cách nghĩ của ta không sai, hiểu biết này là chính xác, là chính tri chính kiến. Như Phật dạy chúng ta phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp, và ta cũng nghĩ như vậy, chứng minh cách nghĩ này của chúng ta là chính xác.

Nếu như cách nghĩ của ta với lời nói của Phật không giống nhau, phải nhớ rằng cách nghĩ ấy của chúng ta nhất định sai lầm, tuyệt đối không phải cách nghĩ, cách nhìn trong kinh điển của Phật sai lầm. Dù thế nào cũng không nên cho rằng Phật là người của 3000 năm trước, hiện nay chúng ta tiến bộ hơn so với tư tưởng của Ngài. Nghĩ như vậy là sai lầm rất lớn. Cách nghĩ này thật là vớ vẩn. Không nên cho rằng khoa học phát đạt như thế, mà chúng ta còn phải dùng công cụ máy móc, mới có thể đem âm thanh, hình ảnh ghi chép được. Phật Bồ Tát không dùng những thứ này, vậy mà đời quá khứ, đời vị lai đều biết. Ngài không cần dùng máy ghi hình vẫn có năng lực đem thế giới mười phương hiển hiện trước mắt, cũng giống như vô tuyến truyền hình vậy, hơn nữa là hình nổi, chứ không phải hình phẳng.

Ngài không cần những công cụ máy móc này, vậy thì đó là năng lực gì? Là chính tri chính kiến, tính đức có thể sinh vạn pháp, do đó nên có thể làm được. Chúng ta phát minh những thứ cơ khí này đều là do vọng tưởng phát hiện, so với thần thông vô lượng của Phật Bồ Tát thì cách xa quá nhiều. Chúng ta phải khẳng định, phải thừa nhận những lời dạy trong kinh điển của Phật là chân thật, là chính xác. Chúng ta phải xả bỏ thành kiến của mình, y theo lời Phật dạy mà tu hành.

Nói đến điểm này, chúng ta lại phải chú ý đến một việc nữa là kinh giả, nếu chúng ta gặp kinh điển giả dễ bị người lừa gạt. Đặc biệt là hiện nay đề xướng tự do xuất bản nên ai cũng đều có thể viết sách. Không như trước kia, kinh điển trước kia truyền đến Trung Quốc, phải trải qua các học giả chuyên môn đương thời giám định, do nhà nước thống nhất ban bố, chứng minh bản kinh sách đó là thật. Lịch đại Tổ sư đối với việc chú giải kinh luận cũng phải trải qua các vị cao Tăng đại đức đương thời chứng minh họ giảng không sai, xác thực phù hợp với ý của Phật. Rồi đem trình báo cho vua, vua phê chuẩn thì bộ sách đó mới có thể ấn hành lưu thông, không như hiện nay chẳng có người quản chế. Cho nên chúng ta muốn tra kinh, đọc kinh, nhất định phải đọc kinh điển chân chính.

Kinh điển chân chính với kinh giả làm sao phân biệt? Phân biệt không khó, có thể tra trong Đại Tạng Kinh. Kinh trong Đại Tạng tuyệt đối là chân thật. Tôi khuyên các bạn đồng học nên xem Đại Tạng Kinh đời xưa của Trung Quốc. Vì sao? Hiện nay Đại Tạng Kinh mà người ta biên tập, đối với cá nhân là tốt, nhưng tác phẩm của họ không có trải qua các sự thẩm tra của tập thể có uy tín mà đưa vào trong Đại Tạng Kinh. Cho nên, Đại Tạng Kinh biên tập hiện nay không bằng Đại Tạng Kinh biên tập ngày xưa. Đọc Đại Tạng Kinh, cần phải đọc bản triều Thanh về trước mới đáng tin cậy. Đại Tạng Kinh triều Thanh là do thời đại Càn Long biên tập gọi là Long Tạng. Hiện nay Đài Loan đem bộ này in thành 162 quyển, gọi là Càn Long Đại Tạng Kinh, đây là bộ Đại Tạng biên tập sau cùng trải qua nhiều đời của Trung Quốc. Khoảng năm Dân quốc cũng biên tập rất nhiều, nhưng e rằng có người trộn lẫn những thứ giả ở trong đó. Từ Càn Long về trước tuyệt đối không có pha tạp thứ giả, bởi vì phải trải qua sự phê chuẩn của vua. Khi vua phê chuẩn là căn cứ vào sự thẩm tra của các cao Tăng đại đức đương thời, cho nên rất nghiêm túc.

Như vậy chúng ta mới có thể phân biệt bộ kinh nào là chân thật, bộ kinh nào là giả. Bộ chú giải nào xem được, bộ chú giải nào không cần phải xem. Đó là tiêu chuẩn để chọn lựa. Nhất định phải khiêm nhường, đối với Phật phải tin tưởng, tin sâu không nghi, cần phải xả bỏ thành kiến của mình, tiếp thụ lời dạy của Phật Bồ Tát.

Thứ ba là quy y Tăng. Tăng không phải chỉ người xuất gia. Tăng ý là thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh, một hạt bụi trần không nhiễm. Người hiện nay rất đáng thương, ô nhiễm về tâm lý, ô nhiễm về tinh thần, ô nhiễm về tư tưởng, ô nhiễm về hiểu biết, thậm chí ô nhiễm về cả về sinh lý. Không những thân tâm chúng ta bị ô nhiễm nghiêm trọng, môi trường sinh thái của địa cầu cũng mất quân bình, đó là sự ô nhiễm của toàn thế giới. Nghe nói tầng ôzôn bị thủng, trời cũng bị ô nhiễm nữa, thật đáng sợ. Trời, đất, người đều ô nhiễm nghiêm trọng. Phật dạy chúng ta từ trong ô nhiễm này mà hồi đầu, nương tựa vào tâm thanh tịnh.

Sự ô nhiễm môi trường ngày nay ai cũng đều ý thức, cho nên rất nhiều quốc gia chính phủ đều đề xướng bảo vệ môi trường trong sạch. Công tác bảo vệ này có hiệu quả không? Rất có hiệu quả. Phật nói: "Y báo tùy theo chánh báo mà chuyển", nếu trong tâm chúng ta ô nhiễm không thể tịnh hóa, sự ô nhiễm môi trường không có cách gì đạt được tiêu chuẩn thanh tịnh, cho nên muốn cải thiện sự ô nhiễm môi trường, trước phải từ chỗ tịnh

hóa tâm con người. Đó là điều quy y thứ ba trong tam quy, từ chỗ nhiễm ô quay trở về tâm trong sạch.

Tăng Bảo không những hàm ý thanh tịnh mà còn có ý là hòa hợp. Chúng ta quan sát thế giới, giữa nước này với nước kia không hòa, giữa tôn giáo với tôn giáo không hòa... khiến cho cuộc sống của chúng sinh rất thống khổ. Cho nên Phật dạy chúng ta “lục hòa kính”, đây là bài pháp mà người đệ tử Phật cần phải tu học. Tăng nghĩa là thanh tịnh hòa kính, chúng ta từ chỗ bất hòa bất kính mà hồi đầu, nương theo lục hòa kính, nương theo tâm thanh tịnh. Đây chính là bước đầu vào cửa Phật truyền trao cho chúng ta cương lĩnh học Phật tu hành. Cương lĩnh này từ lúc sơ phát tâm cho đến thành Phật đều không thể thay đổi, cho nên nó là cương lĩnh học Phật tuyệt đối, cương lĩnh chân thật.

Quy y Phật là giác mà không mê, quy y Pháp là chính mà không tà, quy y Tăng là tịnh mà không nhiễm. Tam quy y là giác, chính, tịnh. Sau này có người hỏi: “Bạn học Phật, tu hành là tu cái gì?”. Chúng ta có thể trả lời, tôi tu Giác, Chính, Tịnh. “Bạn học Phật là học cái gì?”. Học trí tuệ cứu cánh viên mãn. Giác, Chính, Tịnh đạt đến trình độ viên mãn “Vô thượng Chính đẳng Chính giác” thì được, đây chính là thành Phật. Trí tuệ cứu cánh viên mãn làm thế nào có thể đạt được? Tu Giác, Chính, Tịnh thì có thể đạt được. Đây là điều mà chúng ta học, tu rõ ràng minh bạch. Có người hỏi bạn: “Bạn tu phương pháp gì?”. Phương pháp là pháp môn mà nhà Phật giảng giải, pháp là phương pháp, môn là môn kính (con đường). Phương pháp môn kính rất nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, phương pháp môn kính không có nhất định, có thể tùy duyên thay đổi sử dụng. Thế nhưng phải ghi nhớ mục tiêu không thể thay đổi, mục tiêu đó là Giác, Chính, Tịnh, còn phương pháp có thể thay đổi được.

Phương pháp chủ yếu của chúng ta ngày nay áp dụng là “Trì danh niệm Phật”. Pháp này do ngài Đại Thế Chí Bồ Tát đề xướng. Trong Kinh Hoa Nghiêm ngài Phổ Hiền Bồ Tát cũng đề xướng, chúng ta nên dùng phương pháp này tu là chính. Ngoài môn tu chính này ra, trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta có thể dùng nhiều pháp môn khác để phối hợp, đó là trợ tu. Về phương diện trợ tu chúng ta đề xướng “Ngũ đức”, dùng ngũ đức trợ giúp chúng ta tu dưỡng thân tâm. Ngũ đức là điều mà Khổng Tử tu tập. Trong Luận Ngữ có nói, học trò của Khổng tử tụ tập một chỗ, mọi người nói về đức hạnh của thầy, họ đều thừa nhận ngài có năm đức: Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng (ôn hòa nhân hậu, lương thiện, cung kính thận trọng, tiết kiệm, nhịn nhường). Đó là thánh nhân của Trung Quốc, chúng ta lấy ngài làm tấm

gương, làm tiêu chuẩn, chúng ta nên học ngũ đức này. Ngũ đức là nền tảng của nền tảng, từ trên ngũ đức này mà xây dựng tam phước.

“Tam phước” được nói trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. Thứ hai là thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Thứ ba là phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, tụng đọc Đại thừa, khuyến người tu hành. Phật nói tam phước này là “Chính nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật”. Tất cả chư Phật mười phương ba đời do đâu thành Phật? Đều từ trên cơ sở này tu tập mà thành. Do đó chúng ta học Phật, tương lai muốn thành Phật, đương nhiên không thể lìa cơ sở này được. Điều này rất trọng yếu.

Từ tam phước tiến tu “lục hòa”. Lục hòa kiến lập trên cơ sở tam phước. Tam phước không làm được thì lục hòa tuyệt đối cũng không thể thực hành được. Lục hòa kính, thứ nhất là “Kiến hòa đồng giải”, chính là xây dựng hiểu biết chung mà chúng ta đang nói ngày nay. Nếu mọi người trên thế giới, tư tưởng hiểu biết đều gần gũi nhau, trên thế giới sẽ hòa bình, sẽ không có tranh chấp lẫn nhau. Cho nên giáo dục của Phật là đối với tất cả chúng sinh tận hư không biến pháp giới mà xây dựng ý thức chung, ý thức chung này thật sự rất cao minh, là ý thức chung của tự tính, mà chẳng phải đi theo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã đi. Sự cao minh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khiến cho người ta bội phục, nhưng Ngài không thể lôi chúng ta đi được, mà chỉ dạy chúng ta mỗi người đều đội trời chân đạp đất, phát huy đức năng trí tuệ tự tính, không phải học theo Ngài là đủ, mà là khai phát đức năng trí tuệ tự tính của mình. Cách dạy học này thật sự khiến cho người ta tâm phục khẩu phục.

Thứ hai là “Giới hòa đồng tu”, giới hòa tức là thủ pháp (tuân theo pháp luật), người người bồi dưỡng quan niệm thủ pháp. Mọi người hiểu biết thân cận nhau đều có thể thủ pháp, xã hội an định phần vinh, thiên hạ thái bình tự nhiên thực hiện được. Trong lục hòa kính còn có một điều rất trọng yếu đó là “Lợi hòa đồng quân”. Xã hội ngày nay khoảng cách của cải không lớn lắm, càng gần càng tốt, đó là sự phân phối của cải đồng đều, lòng người bình rồi thì sẽ không có tranh chấp. Đương nhiên của cải phân phối đồng đều là trí tuệ rất cao, đây thật là tu phước. Của cải của người ta tuyệt đối không bình đẳng, bởi vì mỗi cá nhân tu phước báo không giống nhau, cũng tức là tu nhân không giống nhau. Có người trồng cây, họ sẽ thu quả. Có người không trồng cây, họ sẽ không có quả để thu. Có thu hoạch muốn phân chia một chút cho bạn, thì người nhà phải đồng ý từ bi bố thí mới được. Chân tướng của sự thật này chỉ có Phật pháp mới giảng rõ ràng minh

bạch. Một mặt Phật khuyên người có phước báo phải chiếu cố người không có phước báo, đồng thời khuyên người không có phước báo phải tu phước nhiều hơn nữa, để đời sau phước báo của bạn và họ như nhau, thậm chí còn vượt hơn họ. Đó là gốc ngọn đều đầy đủ. Chỉ có Phật pháp thật sự thù thắng, có thể giúp cho thiên hạ thái bình.

Có cơ sở tam phước, lục hòa rồi, từ đó mới có thể kiến lập Phật pháp chân chính. Giới, Định, Tuệ tam học, là môn học chung của tam thừa. Từ cơ sở này lại kiến lập Đại thừa Phật pháp, tức là “Lục độ”, lục Ba la mật của Bồ Tát. Từ Ba la mật lại kiến lập Nhất thừa Phật pháp. Như trong Kinh Pháp Hoa đã nói “Chỉ có nhất thừa pháp, không hai cũng không ba”, còn trong Kinh Hoa Nghiêm thì là “Thập đại nguyện vương” của Bồ Tát Phổ Hiền.

Quý vị tu học Tịnh tông nên biết, chúng ta lấy ngũ đức của Khổng Phu Tử làm căn bản làm người xử thế. Từ trên căn bản này tu thêm, tức là tam phước, lục hòa, tam học, lục độ, thập nguyện mà Đức Phật đã dạy chúng ta, những pháp này rất dễ nhớ, cũng không nhiều lắm, năm mục này làm trợ học cho chúng ta. Chính trợ song tu, những thứ mà đời này chúng ta mong cầu như hạnh phúc an vui, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thành công, xã hội tốt đẹp, nhất định có thể đạt được. Do đó nên biết, đã hiểu rõ ràng rồi, lại phát tâm lễ bái thầy, thì phải nhận thức rõ việc tu học, hy vọng đạt đến mục tiêu lý tưởng giáo dục. Tôi vì quý vị truyền trao tam quy y chân chính, quy y Tự tính Tam Bảo.

Ngoài Tự tính Tam Bảo còn có Trụ trì Tam Bảo, tức là Tam Bảo trên hình thức. Trên hình thức, tượng Phật là Phật Bảo. Phật không còn tại thế, tượng Phật dù là điêu khắc hay họa vẽ, hoặc hình ảnh in hiện nay đều tốt cả. Cúng dường tượng Phật có hai ý trọng: Thứ nhất là không quên gốc. Chúng ta thấy tượng Phật thường nghĩ đến lời dạy của thầy, tưởng nhớ ân đức của thầy. Như người Trung Quốc không quên tổ tiên, tổ tiên đã mất chúng ta lại cách xa, diện mạo cũng không biết, chúng ta vẫn phải cúng bái vị lịch đại tổ tông, thường nghĩ đến tổ tiên, đó là không quên gốc, tâm địa tử tế. Thứ hai là nhắc chúng ta thấy bậc hiền noi theo, thầy đã thành Phật, ta cũng phải thành Phật, nhắc mình quy y Phật.

Khi nhìn tượng Phật, ta phải quy y giác, phải giác mà không mê. Tượng Phật có tác dụng như thế, nếu không thì ai sẽ thường thường nhắc nhở bạn? Không có người nào nhắc nhở bạn cả, người ta nhắc nhở bạn, bạn còn trách họ là rắc rối, cho nên dùng tượng Phật để nhắc nhở mình quy y giác. Khi thấy kinh sách thì nghĩ đến ta quy y Pháp, tư tưởng hiểu biết của ta

phải chính xác. Khi thấy người xuất gia, thì nghĩ đến ta phải giữ sáu căn thanh tịnh, một hạt bụi trần không nhiễm, phải hòa thuận đối xử với người. Cho nên Trụ trì Tam Bảo có tác dụng rất tốt. Người xuất gia mặc Tăng phục, bạn đã thọ tam quy y rồi, khi thấy người xuất gia, tự nhiên nghĩ đến phải sáu căn thanh tịnh. Nhìn người thường thì sẽ không nghĩ như vậy. Cho nên Trụ trì Tam Bảo đối với chúng ta có lợi ích rất lớn, luôn luôn nhắc nhở chúng ta.

Trong nhà quý vị thiết trí bàn thờ, cúng dường Tam Bảo, tượng Phật là Phật Bảo, tượng Bồ Tát là Tăng Bảo. Nếu chúng ta thờ Tây phương tam Thánh, Quan Âm Thế Chí là Tăng Bảo, các ngài là học trò của Phật, là bạn học trước của chúng ta. Kinh sách là Pháp Bảo. Trong nhà thờ Tam Bảo đầy đủ, lúc nào cũng nhắc nhở chúng ta không quên Tự tính Tam Bảo.

Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh mà chúng tôi hiện nay đặc biệt đề xướng. Nội dung của bộ kinh này rất viên mãn, kinh văn không dài, rất thích hợp với người thời nay tu học. Trên đề kinh đã đem toàn bộ tôn chỉ mục tiêu, phương pháp tu hành trong Phật pháp hiển thị ra, đó là chỗ bất khả tư nghị của kinh này. Người học Phật chúng ta cầu gì? Chúng ta cầu vô lượng, công đức tự tính là vô lượng. Kinh nói “Vô lượng thọ” là đại biểu cho vô lượng. Thọ mạng vô lượng, trí huệ vô lượng, tài nghệ vô lượng, đức năng vô lượng, của cải vô lượng, ta đều mong cầu vô lượng thứ.

Tự tính vốn đầy đủ vô lượng tính đức. Cho nên đại sư Huệ Năng lúc khai ngộ đã nói: “Nào ngờ tự tính vốn đầy đủ. Nào ngờ tự tính hay sinh vạn pháp”. Mười pháp giới y chính trang nghiêm vô lượng vô biên, đều là tự tính biến hiện ra, chúng ta ngày nay cầu là cầu cái này. Dùng lời hiện nay mà nói, “trang nghiêm” tức là chân thiện mỹ tuệ. Tại thế gian này, chân thiện mỹ tuệ là hữu danh vô thật. Chỗ nào có chân thật? Trong tự tính là chân thật. Nếu bạn hướng vào tự tính, hướng vào trong mà tìm, chân thiện mỹ tuệ đầy đủ, thì là đều tốt đẹp, đó là hình ảnh của tính đức.

Phương pháp tu học là chữ “thanh tịnh” trong đề kinh. “Thanh tịnh” là Tăng Bảo, “bình đẳng” là Pháp Bảo, “giác” là Phật Bảo, ba cương lĩnh lớn của sự tu hành hiển thị trong đề kinh này. Năm chữ này là Tam Bảo, cũng là tam học, tam học bao quát tất cả kinh luận mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm. Thanh tịnh là giới học, tức là tạng Luật. Bình đẳng là định học tức là tạng Kinh. Giác là tuệ học tức là tạng Luận. Cho nên năm chữ này là ba tạng, lại là tam học, Tam Bảo.

Bộ kinh này tuy mỏng, nhưng toàn bộ Phật pháp thâm tóm trong đó. Nếu chúng ta công việc bận rộn, không có thời gian nhiều nghiên cứu kinh điển Phật giáo, nên từ bộ kinh này hạ thủ công phu. Bộ kinh này đã quán thông rồi thì Đại Tạng Kinh mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong 49 năm cũng sẽ thấu suốt toàn bộ. Không chỉ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong 49 năm, cho đến mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai, vì tất cả chúng sinh tuyên thuyết vô lượng vô biên pháp môn, cũng không vượt ra ngoài nội dung kinh này. Bộ "Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác" này, có thể nói là tóm thâu tất cả kinh, tinh hoa của tất cả kinh, do chỗ đặc biệt này nên giới thiệu với quý vị. Chúng ta muốn quy y, thật sự mà nói, y chiếu lời dạy trong bộ kinh này mà tu học, tam quy y sẽ đạt đến chỗ viên mãn cứu cánh.

Hôm nay tôi đem đại ý của tam quy y truyền trao cho quý vị, quý vị chân thành tiếp nhận, ở trước chư Phật Bồ Tát cung kính phát thệ quy y đọc ba lần, phát thệ phải phát từ trong tâm phát ra. Tôi xin phát nguyện, nguyện làm học trò của Phật, mong muốn được học Phật. Tịnh Không này vì bạn làm chứng minh, tôi là thầy chứng minh của bạn, là thầy truyền trao tam quy cho bạn. Bốn sư là Phật Thích Ca Mâu Ni, phải hiểu rõ điều này. Không nên xem tôi là bốn sư, vì nói rằng quy y với pháp sư Tịnh Không, đó là sai lầm lớn. Chúng ta quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng là đệ tử của Tam Bảo. Đại ý của quy y Tam Bảo chính là chỗ này.

Phần dưới là nghi thức tam quy, giản đơn mà long trọng. Chúng ta có một tờ giấy chứng nhận quy y, lời nguyện ở trong đó là do đại sư Hoảng Nhất y theo giới luật trích ra. Đại sư nói với chúng ta, lời thệ nguyện này Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc còn tại thế đã dùng để trao tam quy y cho đệ tử. Cho nên chúng ta cũng dùng lời thệ nguyện này, đã không quên gốc lại còn rất đơn giản, dễ thọ trì. Quý vị cần phải đem tâm chí thành, tâm thanh tịnh, tâm từ bi, tâm cung kính ở trước tượng chư Phật Bồ Tát, theo lời nói của tôi, thận trọng tuyên thệ, thề làm đệ tử Tam Bảo, từ nay về sau y theo lời dạy của Phật tu hành, cầu sinh Tịnh độ, quảng độ chúng sinh.

A Xà Lê chứng giám, con đệ tử Diệu Âm, từ nay cho đến trọn đời: Quy y Phật Đà lương túc trung tôn - Quy y Đạt Ma ly dục trung tôn - Quy y Tăng Già chư chúng trung tôn.

## **Bà chủ nhà làm thế nào trong sinh hoạt hằng ngày tu Bồ Tát đạo**

Mỗi ngày làm công việc giống nhau, chắc chắn sẽ có cảm giác rất chán. Nhất là bà chủ gia đình, dường như cả ngày không có giải thoát, phần nhiều đều cảm thấy khổ não. Nếu có thể đem quan niệm này chuyển đổi lại thì sẽ



được rất nhiều an lạc. Trong quan niệm của người phàm thường chấp trước có “ta”, ta làm, ta vất vả, ta vì sao phải làm thay cho người, càng nghĩ phiền não càng nhiều. Nếu học Bồ Tát đạo, phát đại thệ nguyện muốn phổ độ chúng sinh, cách nghĩ cách nhìn của họ sẽ khác đi.

Hành Bồ Tát đạo, thứ nhất phải tu “*bố thí Ba la mật*”. Bồ Tát chủ nhà ở trong gia đình vì người nhà mà phục vụ, đó là tu bố thí Ba la mật. Bố thí có ba thứ, là tài thí, pháp thí, vô úy thí. Tài thí có nội tài, ngoại tài. Ngoại tài là chỉ cho việc kiếm tiền bên ngoài, cúng dường sinh hoạt cho một nhà. Nội tài là dùng thể lực của mình vì người trong nhà mà phục vụ. Công việc ở trong nhà làm cho được viên mãn ba điều bố thí này. Bạn sửa sang việc nhà cho ngăn nắp, sạch sẽ khiến cho sinh hoạt của người nhà được thoải mái, khiến cho người hàng xóm mến mộ đó là “trì giới Ba la mật”, trì giới tức là tuân thủ pháp luật. Bạn làm với tâm trí chịu đựng, làm không mệt mỏi, không chán nản tức là “Nhẫn nhục Ba la mật”. Mỗi ngày cần phải cải tiến, hy vọng ngày hôm sau tốt hơn ngày hôm nay đó là “*Tinh tấn Ba la mật*”. Tuy mỗi ngày làm rất nhiều việc nhà, tâm vẫn thanh tịnh, một hạt bụi trần không nhiễm, tức là “Thiền định Ba la mật”.

Trong tâm thanh tịnh thường sinh trí tuệ, tràn đầy niềm vui pháp, là “Bát nhã Ba la mật”. Vì thể hiện được lục Ba la mật của Bồ Tát, chính là thành tựu một cách viên mãn các việc như lau bàn, quét nhà, giặt áo, nấu cơm. Đó chính là học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo mà Thiệt Tài đồng tử đã biểu diễn trong Kinh Hoa Nghiêm.

Bạn làm việc nhà tốt rồi, tức là làm bà chủ nhà gương mẫu của thế gian, gương mẫu của tất cả gia đình. Như thế có thể độ được hàng xóm, suy rộng ra có thể ảnh hưởng xã hội, quốc gia, thế giới cho đến tận hư không biến pháp giới. Như thế mới hiểu được việc quét nhà, lau bàn, nấu cơm, giặt áo của Bồ Tát tại gia vốn là đại nguyện đại hạnh độ tận hư không biến pháp giới hết thảy chúng sinh. Như thế mới là học Phật, là chính niệm, là thật tướng của các pháp. Nếu có thể quán sát như thế thì tràn đầy niềm vui pháp, làm sao khởi phiền não được !

Tu học Phật pháp nhất định phải thực hiện trong cuộc sống, không thực hiện trong cuộc sống thì không có tác dụng. Nếu hiểu rõ điều này, đem suy diễn ra, làm việc tại công ty cũng là tu lục Ba la mật. Bồ Tát ở các ngành nghề thị hiện các loại thân nam nữ già trẻ khác nhau, tu học tức là cuộc sống của mình, bình đẳng không hai, đều là một không có hai.